

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng 5 năm 2026

"Dự thảo"

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định
nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ
vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15; Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Tại Khoản 2, Điều 3 quy định: “*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả*”;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị quyết số 424/2025/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/NQ-QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035. Trong đó Thủ tướng Chính phủ giao UBND các tỉnh: “*Trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả*”;

- Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Tại Điểm a, Khoản 5, Điều 9 quy định: “*Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”.

2. Cơ sở thực tiễn

- Trong giai đoạn 2021-2025, các cơ quan thường trực các Chương trình MTQG (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Nay được sáp nhập chung thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Dân tộc tỉnh - nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo) đã tham mưu UBND tỉnh

trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết số: 13/2022/NQ-HĐND; 14/2022/NQ-HĐND; 16/2022/NQ-HĐND về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Kết quả, các Chương trình MTQG đã được triển khai đồng bộ đạt được nhiều kết quả quan trọng, tích cực và toàn diện. Hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh giảm mạnh; đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt; diện mạo khu vực nông thôn có nhiều khởi sắc, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được hoàn thiện.

- Bước sang giai đoạn 2026-2030, Quốc hội đã quyết định tích hợp 03 Chương trình MTQG thành một Chương trình thống nhất. Tại Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025, Quốc hội đã phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035; Chính phủ đã quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở yêu cầu tổ chức thực hiện Chương trình tích hợp trong bối cảnh mới, để bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch, ổn định và khả thi tuân thủ đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan trong phân bổ nguồn vốn Trung ương, cân đối ngân sách địa phương đối ứng theo quy định thì việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là yêu cầu khách quan, cấp thiết, phù hợp với thực tiễn.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn phân tích trên, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là hết sức cần thiết, đúng quy định của pháp luật, hướng dẫn của Trung ương.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa quy định của Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Để làm cơ sở pháp lý cho phân bổ vốn Trung ương và cân đối ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo tỷ lệ quy định nhằm bảo đảm việc phân bổ vốn công bằng, minh bạch, khách quan, ổn định, thống nhất, tăng tính chủ động cho các cấp, các ngành trong phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho việc thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, địa phương lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm theo quy định.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu được xây dựng phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương liên quan; phù hợp tình hình thực tiễn, khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức soạn thảo Dự thảo “Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

Thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan tại văn bản số /SNNMT-PTNT&QLCL ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát để chỉnh

sửa, hoàn thiện dự thảo, xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Sở Tư pháp đã có ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày / /2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

- Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức quy định trực tiếp, gồm 03 Chương, 09 Điều, trong đó:

1. CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;
- Điều 2. Đối tượng áp dụng;

2. CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

- Điều 3. Nguyên tắc phân bổ;
- Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã;
- Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành;
- Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương;

Mục 2. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương

- Điều 7. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương;

3. CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 8. Tổ chức thực hiện;
- Điều 9. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách trung ương thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

4. Phân bổ ngân sách trung ương cho các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên khả năng cân đối ngân sách và kết quả đánh giá tình hình thực hiện, sử dụng, giải ngân ngân sách trung ương, địa phương trong giai đoạn 2021-2025 hoặc các năm trước liền kề.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ theo đối tượng xã

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã theo khoản này được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) và phân loại đơn vị xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN) của tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng địa phương theo tiêu chí này được xác định bằng hệ số phân bổ quy định tại khoản này nhân với số lượng thôn, bản, phân loại đơn vị xã tương ứng của từng xã, cụ thể như sau:

- a) Thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1;
- b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 50;
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30;

2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã

a) Xác định tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của từng xã

Tổng điểm theo tiêu chí phân bổ của xã i được xác định như sau:

Đối với xã thuộc khu vực III: $T_i = TDK_i + 50$;

Đối với xã thuộc khu vực II: $T_i = TDK_i + 40$;

Đối với xã thuộc khu vực I: $T_i = TDK_i$;

Trong đó:

T_i : Tổng điểm phân bổ của xã i ;

TDK_i : Số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN của xã i ;

b) Xác định tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh

Tổng điểm phân bổ của tất cả các xã được xác định bằng tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh, cụ thể như sau:

$$T_{TT} = \sum_{i=1}^n T_i$$

Trong đó:

T_{TT} : Tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh;

n : tổng số xã trên địa bàn được phân bổ ngân sách trung ương theo Nghị quyết này;

T_i : Tổng điểm phân bổ của xã i ;

c) Xác định giá trị của một (01) điểm phân bổ

Giá trị của một (01) điểm phân bổ được xác định theo công thức sau:

$$G = \frac{V_{pb}}{T_{TT}}$$

Trong đó:

G : Giá trị của một (01) điểm phân bổ (đồng/điểm);

V_{pb} : Tổng vốn ngân sách trung ương bố trí để phân bổ cho các xã thực hiện Chương trình.

T_{TT} : Tổng điểm phân bổ của toàn tỉnh.

d) Xác định mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng xã

Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã i được xác định như sau:

$$V_i = T_i \times G$$

Trong đó:

V_i : Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã i ;

T_i : Tổng điểm phân bổ của xã i ;

G : Giá trị của một (01) điểm phân bổ.

3. Căn cứ xác định số liệu

Số lượng thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN do Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố tại Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 (*trường hợp văn bản có sự điều chỉnh, thay thế, việc căn cứ xác định số liệu sẽ được tính theo văn bản điều chỉnh, thay thế đó*);

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành tỉnh

a) Nhiệm vụ của Chương trình do các sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và

dự toán ngân sách hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của các sở, ban, ngành tỉnh để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình cấp tỉnh, quy mô liên xã, nhiệm vụ đặc thù; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các sở, ban, ngành;

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của các sở, ban, ngành trong giai đoạn 2021-2025 hoặc các năm trước liền kề.

Điều 6. Định mức phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành tỉnh và các xã

Căn cứ tổng kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ:

1. Đối với vốn giao cho các sở, ban, ngành tỉnh: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung, dự án của Chương trình quy mô liên xã, nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh quốc gia và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác.

2. Đối với vốn giao cho các xã: giao HĐND cấp xã quyết định phân bổ chi tiết để thực hiện các nội dung, dự án trên địa bàn đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác.

Mục 2

NGUYÊN TẮC BỐ TRÍ VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 7. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương

Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn đối ứng để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý thực hiện và hỗ trợ các xã phường theo nguyên tắc:

1. Hỗ trợ các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, 2031-2035; xã nông thôn mới hiện đại.

2. Hỗ trợ các xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

3. Hỗ trợ các phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 8. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình là 40% trên tổng mức ngân sách Trung ương hỗ trợ.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khoá XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

a) Dự kiến nguồn lực

- Nguồn nhân lực: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

b) Điều kiện đảm bảo

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện triển khai Nghị quyết theo quy định.

2. Thời gian dự kiến đề nghị Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ tháng 6 năm 2026 của HĐND tỉnh.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu:

- (1). Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.
- (2). Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.
- (3). Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp.
- (4). Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- (5). Bản scan văn bản tham gia ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (để B/c);
- UBND tỉnh: U;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, TH1, KT5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hà Quang Trung